

TÒA ÁN ND HUYỆN T

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 46/2020/HS-ST

Ngày 12/6/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thiêm và ông Ngô Văn Sang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Hữu D, Sinh ngày: xxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Đỗ Hữu Chư – đã chết.

Họ tên mẹ: Đỗ Thị Tuy, sinh năm 1949, trú tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Vợ: Nguyễn Thị Thiêm, sinh năm 1975 (đã ly hôn năm 2012).

Bị cáo có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn D3, Sinh ngày: xxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1956, trú tại thôn B, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị C1 – đã chết.

Vợ: Đỗ Thị Hằng, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2012.

Quá trình hoạt động: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. Họ và tên: Nguyễn Trường S, Sinh ngày: xxxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Nguyễn Sỹ Mùa, sinh năm: 1958.

Họ tên mẹ: Bùi Thị Ba, sinh năm: 1958 (Đã chết)

Vợ: Trần Thị Thanh , sinh năm: 1986

Hiện đều trú tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Quá trình hoạt động: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương. Tháng 02/2004 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại tiểu đoàn 16, sư đoàn 395 đến tháng 01/2006 thì xuất ngũ về địa phương.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

4. Họ và tên: Đỗ Đồng K, Sinh ngày: xxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Đỗ Đồng Giảng – đã chết.

Họ tên mẹ: Đỗ Thị Nối, sinh năm: 1961, trú tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo chưa có vợ con.

Quá trình hoạt động: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

5. Họ và tên: Nguyễn Xuân T2, Sinh ngày: xxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Nguyễn Xuân Đoàn, sinh năm: 1959.

Họ tên mẹ: Đỗ Thị Hòai, sinh năm: 1959.

Vợ: Lê Thị Lan Anh, sinh năm: 1985

Hiện đều trú tại thôn B, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014.

Quá trình hoạt động: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

6. Họ và tên: Đỗ Hữu D1, Sinh ngày xxxxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Đỗ Hữu Chư – đã chết.

Họ tên mẹ: Đỗ Thị Tuy, sinh năm 1949, trú tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Vợ: Đặng Thị Mỹ Thy, sinh năm: 1988, trú tại Số 95, ấp 6B, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh đôi năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Quá trình hoạt động: Từ nhỏ học tập, sinh sống tại Thái Bình. Sau khi lập gia đình, chuyển vào làm ăn sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh đến nay.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

7. Họ và tên: Đỗ Hữu T3, Sinh ngày: xxxxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Đỗ Hữu Tam, sinh năm: 1945, trú tại Ấp Tân Thọ, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Vân – đã chết.

Vợ: Nguyễn Thị Nụ, sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014.

Quá trình hoạt động: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 6/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

8. Họ và tên: Đỗ Hữu X, Sinh ngày: xxxxxxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Họ tên bố: Đỗ Hữu Xoa – đã chết

Họ tên mẹ: Tô Thị Yến – đã chết

Vợ: Lê Thị Loan Sinh năm: 1975

Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001

Quá trình hoạt động: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

9. Họ và tên: Đỗ Hữu D2, Sinh ngày: xxxxxx; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố: Đỗ Hữu Chư – đã chết.

Họ tên mẹ: Đỗ Thị Tuy, sinh năm 1949, trú tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Vợ: Năm 1989 C1 sống với nhau như vợ chồng với Đỗ Thị Ban, sinh năm 1971 đến năm 2012 thì bỏ nhau không ra tòa.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2003.

Lịch sử bản thân: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 7/12, sau đó nghỉ học lao động tại địa phương cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*** Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Ngọc C1, sinh năm xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Đoài, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Các bị cáo có mặt tại phiên Tòa, người làm chứng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội Dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/02/2020, tại thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình, sau khi tổ chức làm giỗ cho bố đẻ của mình xong thì Đỗ Hữu D cùng với anh em trong họ ra bàn ngồi uống nước. Trong khi uống nước, D rủ Đỗ Đồng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn D3, Đỗ Hữu D2 đánh bạc ăn tiền. Mọi người đều đồng ý chơi. D bảo với D2 đi mua bài tú lơ khơ, D2 đi mua 02 bộ bài mang về để 01 bộ ở Dưới chiếu trải sẵn Dưới nền trong phòng ngủ của gia đình mình, còn một bộ cất giấu trong tủ rồi đi ra ngoài ngồi uống nước không tham gia đánh bạc. Còn lại D, K, S, D3 đánh bạc ăn tiền với hình thức chơi liêng.

Bắt đầu chơi bốn người bốc bài, ai nhất thì người đó làm cái và chia cho mỗi người ba lá bài rồi mỗi người bỏ ra giữa chiếu 10.000 đồng gọi là vào gà, khi lên bài nếu ai muốn tố bài thêm thì tiếp tục bỏ tiền vào gà nhưng không quá 200.000 đồng, thứ tự theo vòng người nào là cái thì tố bài trước, ai không theo thì úp bài và nhận thua, ai có bài cao hơn thì người đó sẽ thắng và thu hết tiền gà; Khi lật bài để độ lớn bé thì tính như sau: Bài nào có sấp là lớn nhất rồi đến liêng, sau đó đến ảnh, sau cùng là tính điểm; Sấp nghĩa là 03 lá bài giống nhau, theo tứ tự lớn nhất là sấp A (át) rồi đến sấp K, sấp Q, sấp J rồi xuống đến cuối cùng là sấp 2 (hai); Liêng nghĩa là bài có 03 lá liền nhau như Q, K, A đồng thời cũng là liêng to nhất; Ảnh là bài có 02 lá K (ka) và một lá Q (quy) hoặc bất kỳ nhưng chỉ tính trong số những lá bài J, Q, K và ảnh có đôi K là to nhất; Khi cộng

điểm 03 lá bài trên tay thì chỉ tính điểm những lá Át (một) cho đến 9 còn các lá bài 10, J, Q, K thì là điểm 0 (không), cộng ba lá bài với nhau lấy số lẻ, hàng đơn vị để tính và 9 điểm là to nhất; Khi các bài có liên, ảnh và điểm bằng nhau thì độ chất, theo thứ tự từ to xuống bé là chất Rô - Cơ – Bích – Nhép.

Khi D, K, S, D3 chơi được khoảng 1 tiếng, thì có thêm Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X, Đỗ Hữu D1 đến cùng ngồi quay tròn tham gia đánh bạc ăn tiền, Nguyễn Ngọc C1 cũng đến chiếu bạc nhưng chỉ ngồi xem, không chơi. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày khi 08 người đang đánh bạc ăn tiền thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.900.000 đồng (Chín triệu chín trăm nghìn đồng) và 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 lá bài. Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Đỗ Hữu D2 phát hiện thu giữ tại chân giường sát chiếu bạc 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc bị rơi ra. Ngoài ra Đỗ Hữu X còn tự giác lấy trong người số tiền 440.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) dùng để đánh bạc mang ra giao nộp và Đỗ Hữu D2 tự giác lấy 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng (mục đích dùng để đánh bạc) giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Khi tham gia đánh bạc trái phép các bị cáo đều đã thừa nhận mang theo số tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Đỗ Hữu D khai mang theo khoảng 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn D3 khai mang theo khoảng 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng); Nguyễn Trường S khai mang theo 1.000.000 (Một triệu đồng); Đỗ Đồng K khai mang theo khoảng 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Nguyễn Xuân T2 khai mang theo khoảng 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng); Đỗ Hữu D1 khai mang theo khoảng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Đỗ Hữu T3 khai mang theo khoảng 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng); Đỗ Hữu X khai mang theo khoảng 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ:

- Tiền dùng để đánh bạc: Tổng số tiền 10.460.000 đồng (Mười triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó có 9.900.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 120.000 đồng khám xét tại nhà D2, 440.000 đồng Đỗ Hữu X tự giác giao nộp.

- Công cụ dùng để đánh bạc: 02 bộ bài tú lơ khơ màu xanh, trong đó 01 bộ thu tại chiếu bạc; 01 bộ còn mới chưa sử dụng do Đỗ Hữu D2 tự giác giao nộp.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 04/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Nguyễn Trường S, Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X và Đỗ Hữu D2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X, Đỗ Hữu D2.

Xử phạt các Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3 từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt các bị cáo Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X từ 9 tháng đến 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu D2 từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng.

Xử phạt bổ sung cả 08 bị cáo, mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Trường S.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo S do bị cáo S thuộc hộ nghèo.

+ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.460.000 đồng và tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ các bị cáo dùng để đánh bạc.

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X, Đỗ Hữu D2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Trường S do thuộc hộ nghèo.

+ Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Trình bày lời nói sau cùng, cả 9 bị cáo đều trình bày: Các bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn để cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên Tòa các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/2/2020 các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Nguyễn Trường S, Đỗ Đồng K đã có hành vi đánh liêng ăn tiền tại nhà Đỗ Hữu D2, D2 là người mua bài, chài chiếu nhưng không tham gia đánh bạc, không thu tiền hồ. Khoảng 01 tiếng sau thì Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X cùng tham gia. Đến 14 giờ 30 cùng ngày thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.460.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Bản bắt người phạm tội quả tang; Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các bị cáo; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi đánh bạc Dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền hay hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.460.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4]. Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Trường S từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cả 09 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Đây là vụ án đánh bạc có nhiều người tham gia xong bản thân các bị cáo đều là anh em, họ hàng, thực hiện hành vi đánh bạc một cách bộc phát sau khi tổ chức giỗ cho người thân. Quá trình đánh bạc các bị cáo không lấp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc, không sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh

bạc, không phân công người canh gác, phục vụ, không thu tiền hồ khi đánh bạc. Từ các căn cứ trên có thể khẳng định đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Đỗ Hữu D là người khởi xướng, tham gia từ đầu nên giữ vai trò chính. Đỗ Hữu D2 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, không thu lợi từ việc các bị cáo đánh bạc nhưng là người chuẩn bị công cụ và dùng nhà ở của mình cho người khác đánh bạc trái phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi giúp sức. Nguyễn Văn D3, Nguyễn Trường S, Đỗ Đồng K tham gia đánh bạc từ đầu cùng với D. Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X vào tham gia đánh bạc sau. Các bị cáo đánh bạc với số tiền khác nhau, nhiều nhất là Nguyễn Văn D3, ít nhất là Nguyễn Xuân T2. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần cân nhắc hành vi của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Xuân T2, Đỗ Đồng K, Đỗ Hữu T3 sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn các bị cáo khác nên cần phải áp dụng mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác và thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[6]. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, vừa tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích kiếm lời, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp còn phải nuôi con nhỏ hoặc bố mẹ già yếu nên cần áp dụng Dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử phạt mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Đỗ Trường S thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Đỗ Hữu D2 là chủ nhà, không tham gia đánh bạc, không thu lợi từ việc đánh bạc nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo S, D2.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 10.460.000 đồng và tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ là số tiền và đồ vật dùng vào việc đánh bạc.

[9]. Đối với lý lịch của bị cáo Đỗ Hữu D: Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T1 ngày 27/02/2020 thì D, sinh năm 1971 nhưng D đã làm lại T2 bộ hồ sơ pháp lý lấy năm sinh là 1973, hiện nay không còn có giấy tờ, tài liệu thể hiện D sinh năm 1971. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ hồ sơ pháp lý, danh chỉ bản để xác định lý lịch cá nhân của bị cáo Đỗ Hữu D sinh ngày 05/6/1973.

[10]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Nguyễn Trường S, Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X và Đỗ Hữu D2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Hình phạt:

2.1 Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu D1, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X, Đỗ Hữu D2.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu D 1 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 2 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D3 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 2 năm kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đỗ Đồng K 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 năm 4 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Nguyễn Xuân T2 7 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 năm 2 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đỗ Hữu D1 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đỗ Hữu T3 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 năm 4 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đỗ Hữu X 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đỗ Hữu D2 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trường S xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Đỗ Hữu D, Nguyễn Văn D3, Nguyễn Trường S, Đỗ Đồng K, Nguyễn Xuân T2, Đỗ Hữu T3, Đỗ Hữu X và Đỗ Hữu D2 cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Đỗ Hữu D1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C2, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

2.2 Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Hữu D; Nguyễn Văn D3; Đỗ Đồng K; Nguyễn Xuân T2; Đỗ Hữu D1; Đỗ Hữu T3; Đỗ Hữu X xử phạt mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.460.000 (Mười triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ.

Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án huyện T ngày 05/5/2020.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. 9 bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án 12/6/2020./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T1, huyện T;
- UBND xã B, huyện C, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương